TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 428/2023/DS-PT
Ngày: 04-7-2023
V/v "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27/6/2023 và 04/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2018/TLPT-DS ngày 04/7/2018 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2129/2023/QĐ-PT ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số A, Đường C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Lương Bá Đ; Địa chỉ: Số C, đường T, khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phương Du H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2.2 Ông Phương Du H1 (chết ngày 12/10/2019)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H1:

- Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1963

- Bà Phương Huyền B, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số C, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2.3 Ông Phương Du H2; Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Khánh T; Địa chỉ: Số E, đường P, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Số I, đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 Bà Trần Thị L1, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3.3 Bà Triệu Kim H3, sinh năm 1958.

3.4 Ông Thanh L2.

3.5 Bà Phương Thanh L3.

3.6 Ông Phương Thanh Đ1.

3.7 Bà Phương Thị Tú T1.

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, Khóm A, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

(Tại phiên tòa, ông Lương Bá Đ, ông Phương Du H, ông Nguyễn Khánh T có mặt; Ủy ban nhân dân thành phố S có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Q xin xét xử vắng mặt; Những đương sự còn lại vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Trịnh Văn K có người đại diện ủy quyền ông Lương Bá Đ; Bị đơn ông Phương Du H1, ông Phương Du H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2016, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/5/2017 của nguyên đơn ông Trịnh Văn K, cũng như trong trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện cho nguyên đơn là ông Lương Bá Đ trình bày:

Vào ngày 24/12/1992 ông K có nhận chuyển nhượng của 03 anh em ông Phương Du H, Phương Du H1, Phương Du H2 phần đất có diện tích 01 công 3 (tương đương 1.300m^2) tọa lạc khóm A, phường C, thành phố S với giá 06 chỉ vàng, việc mua bán do bà L1 là vợ của ông H2 đứng ra môi giới (Đất thực chất là của vợ chồng ông H2 nhưng do đất có liên quan đến thừa kế của gia đình ông H2 nên cần có mặt của 03 người anh em ông H, ông H1 và ông H2 cùng ký tên bán thì ông K mới đồng ý mua). Việc mua bán hai bên làm giấy tờ tay có tập đoàn T2 là Dương Ngọc H4 chứng, khi chuyển nhượng ông H2 có giao cho ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên ông Trần Đại Á (Sở dĩ giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên ông Trần Đại Á là do mẹ của ông H2 cho ông Trần Đại Á một phần đất để sử dụng, ông Trần Đại Á đã đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không sử dụng mà đi xuất cÁnh nước ngoài nên trả lại đất cho gia đình anh em của ông H2, rồi anh em ông H2 mới bán lại cho ông K). Khi chuyển nhượng xong thì hai bên đã giao vàng và giao đất đủ, nhưng đến năm 2001 ông H đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lên đất đã chuyển nhượng cho ông

K diện tích 103,58m^2 (theo đo đạc thực tế). Vào năm 2003 ông K làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Trần Đại Á sang cho ông Trịnh Văn K có diện tích 1.125,9m^2 theo đo đạc thực tế là 1.196,42m^2, nên còn thiếu 103,58m^2 mới đủ đất 1.300m^2.

Nay ông Trịnh Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phương Du H, ông Phương Du H1, ông Phương Du H2 trả lại phần đất có diện tích 103,58m^2 để cho đủ 1.300m^2 như đã thỏa thuận trong hợp đồng chuyển nhượng, đất tọa lạc khóm A, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Văn K có số đo 23,99m + 5,83m;

Hướng Tây giáp đất ông Phương Du H có số đo 22,37m;

Hướng Nam giáp đất bà Diệp Thị Minh H5 có số đo 1,36m + 2,77m;

Hướng Bắc giáp đường T có số đo 8,71m.

- Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Khánh T là người đại diện cho bị đơn ông Phương Du H và ông Phương Du H1, trình bày:

Ông H và ông H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

- Ông H với ông H1 không có giao dịch mua bán với ông K, đề nghị nguyên đơn cung cấp tờ giao dịch mua bán bản gốc để giám định chữ viết, chữ ký của ông H, ông H1.

- Phần đất nguyên đơn khởi kiện là phần đất của ông H không liên quan đến phần đất mà ông H2 bán cho ông K trước đây.

- Đất của ông K là không có đường đi ra lộ, ông H cho ông K đi nhờ trên đất của ông H từ trước đến nay.

- Thửa đất ông K tranh chấp là của ông H do ông H quản lý sử dụng không tranh chấp, năm 2014 ông K có xin để nhờ hai cây bồ đề nằm trong chậu đến nay đã cắm rễ xuống đất, năm 2015 ông K tiếp tục trồng thêm hàng mãng cầu và cây tạp cặp vách tường nhà ông K. Nay hai bên phát sinh tranh chấp ông H yêu cầu ông K phải di dời toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại đất cho ông H.

- Trước đây ông H2 bán đất cho ông K không có giáp lộ nhưng giấy của ông K được cấp thì giáp lộ nên ông H yêu cầu hủy một phần đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2893 do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp ngày 18/7/2003 cho ông Trịnh Văn K.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2017, bị đơn ông Phương Du H2 trình bày:

Ông thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K với diện tích đất là 1.300m^2, ông đã giao đủ đất và nhận đủ tiền nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ. Hai bên có làm tờ chuyển nhượng đất. Trong tờ chuyển nhượng đất có chữ ký của ông, còn chữ ký của ông H và ông H1 có ký hay không do lâu quá ông không nhớ nhưng khi bán đất thì có sự đồng ý của ông H, ông H1. Vì phần đất có nguồn gốc là của ông ngoại ông cho mẹ ông, mẹ ông cho lại cậu của ông là ông Trần Đại Á, sau đó ông Á đi nước ngoài thì giao lại cho ông. Khi ông Á cho ông phần đất là cho nguyên thửa, sau đó ông bán cho ông K một phần, phần còn lại ông giao cho ông H quản lý,

ông H đi làm giấy tờ thì ông không biết. Vì là đất hương quả của gia đình nên cần có sự thống nhất của gia đình nên ông mới chuyển nhượng được. Nay ông K yêu cầu giao đủ 1.300m^2 ông cũng đồng ý giao đủ đất cho ông K, còn ông H cho rằng là đất riêng của ông H là không đúng.

- Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 04/7/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần thị L4 (vợ ông H2) trình bày:

Nguyên vào ngày 24/12/1992 vợ chồng bà có bán cho ông Trịnh Văn K diện tích đất rẫy là 1 công 3 tức bằng 1.300m^2, có sự đồng ý ký tên của hai người anh chồng của bà là ông Phương Du H1 và ông Phương Du H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố S**:**

Trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, UBND thành phố S đã không có ý kiến bằng văn bản về Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa. Do đó, Tòa án không có thông tin từ phía UBND thành phố S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 256, Điều 699 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn K.

- Buộc ông Phương Du H, ông Phương Du H1, ông Phương Du H2 cùng các ông bà gồm bà Triệu Kim H3, ông Phương Thanh L5, bà Phương Thanh L3 giao trả ông Trịnh Văn K quyền sử dụng phần đất có diện tích 33,03m^2, là phần đất tiếp giáp giữa thửa đất số 39 và thửa đất số 46 thuộc tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại khóm A, phường C, thành phố S, đất có 3 cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Trịnh Văn K có số đo 23,99m + 5,83m;

Hướng Tây giáp đất ông Phương Du H có số đo 25,04m;

Hướng Nam giáp đất bà Diệp Thị Minh H5 là một điểm (theo sơ đồ là điểm số 2).

Hướng Bắc giáp đường T có số đo 6,14m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Buộc ông Phương Du H2 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trịnh Văn K số tiền là 14.815.500 đồng (là giá trị tương ứng diện tích đất còn thiếu 70,55m^2).

2/ Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Phương Du H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2893 do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp cho ông Trịnh Văn K ngày 18/7/2003 với diện tích khoảng 15m^2 (theo

đo đạc thực tế là 90.08m^2, vị trí phần đất này được thể hiện trên sơ đồ kèm theo Bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 20/4/2018, nguyên đơn ông Trịnh Văn K có người đại diện theo ủy quyền là ông Lương Bá Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

- Cùng ngày 18/4/2018, các bị đơn ông Phương Du H, ông Phương Du H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm,

- Nguyên đơn ông Trịnh Văn K có người đại diện theo ủy quyền là ông Lương Bá Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn trả lại phần đất có diện tích 103,58m^2 để cho đủ 1.300m^2 như đã thỏa thuận trong tờ chuyển nhượng. Ông Đ trình bày: xác định các bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn diện tích 1 công 3 tương đương 1.300m^2.

- Bị đơn Phương Du Hùng K1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Khánh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Ông T trình bày: các bị đơn chỉ đồng ý chuyển nhượng cho nguyên đơn 1 công là khoảng 1000m^2, số 1 công 3 thì số 3 là ghi thêm, ông H và ông H1 không có ký vào tờ chuyển nhượng đã có kết luận giám định chứng minh. Yêu cầu khởi kiệ của nguyên đơn không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố.

- Bị đơn ông Phương Du H1 chết ngày 12/10/2019 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Võ Thị Kim L, Phương Huyền B vắng mặt.

- Bị đơn bà Triệu Kim H3 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị kiểm sát viên phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của các đương sự là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn K có người đại diện theo ủy quyền là ông Lương Bá Đ, các bị đơn ông Phương Du H, ông

Phương Du H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3 trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phương Du H1 chết ngày 12/10/2019 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Võ Thị Kim L, Phương Huyền B; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3 là những người có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 quyết định đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị đơn ông Phương Du H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 24/12/1992 giữa ông Trịnh Văn K và ông Phương Du H, Phương Du H1, Phương Du H2 có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 01 công 3 (tương đương 1.300m^2) tọa lạc khóm A, phường C, thành phố S với giá 06 chỉ vàng. Việc chuyển nhượng hai bên có lập "Tờ chuyển nhượng đất" bằng giấy viết tay.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác định có sự việc chuyển nhượng giữa các bên, tuy nhiên ông K cho rằng các bên chuyển nhượng 1 công 3 giá 6 chỉ vàng, ông H1 và ông H cho rằng chỉ chuyển nhượng 1 công tại Tờ chuyển nhượng đất ghi có 1 công và số 3 được ghi thêm, từ đó không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về xác định diện tích chuyển nhượng:

Tại phiên tòa ngày 17/11/2022, bị đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết số "3" (diện tích "1 công 3") trong tờ giấy chuyển nhượng. Tại kết luận giám định số 1779/KL-KTHS ngày 31/5/2003 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

"1. Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết họ tên "Phương Du H" dưới mục "Những ng… đồng ý chuyển nhượng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Phương Du H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là không phải do cùng một người viết (ký) ra.

2. Số "3" (trong nội dung "1 công 3") tại dòng thứ 8, 15 (tính từ trên xuống) trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là không có màu mực, không cùng thời điểm viết."

Như vậy, có cơ sở xác định việc chuyển nhượng giữa các bên chỉ có "1 công" như lời thừa nhận của bị đơn là đúng.

[2.3] Sau khi ký kết hợp đồng thì ông K đã giao trả đủ số vàng và bên ông H2 cũng đã giao đất cho ông K quản lý sử dụng từ đó cho đến nay. Nguyên đơn ông K được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2893 ngày 18/7/2003 có diện tích 1.125,9m^2 và ông K đã quản lý sử dụng ổn định mà bên bị đơn cũng không có khiếu nại nên cần thiết giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất đang ổn định của nguyên đơn và bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phương Du H. Kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn K là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trịnh Văn K phải chịu chi phí định giá tài sản là 6.250.000 đồng, do ông K đã nộp tạm ứng trước nên đã thực hiện xong.

- Chi phí định giá lại và giám định chữ ký theo yêu cầu của đương sự, các đương sự tự nguyện nộp tạm ứng và đã chi xong nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

- Do kháng cáo và yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trịnh Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về điều khoản chuyển tiếp với Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì ông Trịnh Văn K là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí.

- Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Phương Du H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn P có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Võ Thị Kim L, Phương Huyền B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3 nên tiền tạm ứng án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phương Du H1 chết ngày 12/10/2019 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Võ Thị Kim L, Phương Huyền B và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Triệu Kim H3.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn K có người đại diện theo ủy quyền là ông Lương Bá Đ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phương Du H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn K về việc yêu cầu bị đơn ông Phương Du H, ông Phương Du H1, ông Phương Du H2 trả lại phần đất có diện tích 103,58m^2 để cho đủ 1.300m^2.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Phương Du H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 2893 do Ủy ban nhân dân thị xã S cấp cho ông Trịnh Văn K ngày 18/7/2003 với diện tích khoảng 15m^2 (theo đo đạc thực tế là 90.08m^2, vị trí phần đất này được thể hiện trên sơ đồ kèm theo Bản án).

3. Chi phí định giá tài sản: Ông Trịnh Văn K phải chịu chi phí định giá tài sản là 6.250.000 đồng, do ông K đã nộp tạm ứng trước nên đã thực hiện xong.

4. Án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn K được miễn nộp, hoàn trả cho ông K số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003253 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho ông Lương Bá Đ số tiền 300.000 đồng ông Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003008 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Hoàn trả cho ông Phương Du H số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003009 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng ông Phương Du H1 (do ông Nguyễn Khánh T nộp thay) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003010 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng bà Triệu Kim H3 (do ông Nguyễn Khánh T nộp thay) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003011 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự (11);
- Lưu HS (2), VP(5) (24B). (LTTT).